

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Chương;

Bà Phan Thị Thúy Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1981;

Cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; có mặt.

*2. Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Tố T, sinh năm 1983;

Cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 05/8/2019, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:*

Anh và chị Đỗ Thị Tố T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thì đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh làm ăn thua lỗ nên chị T làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn lại; hai người đã sống ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên anh yêu cầu giải quyết ly hôn với chị T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc M, sinh ngày 26/8/2004 và Trần Thảo N, sinh ngày 19/9/2012, hiện nay con đang do chị T

nuôi dưỡng. Ly hôn, các con có ý kiến muốn ở với mẹ nên anh đồng ý giao hai con cho chị T nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Có nợ ông Nguyễn Khoa N 20.000.000 đồng và tiền lãi; nợ bà Nguyễn Thị T 7.000.000 đồng nhưng anh đã trả; ngoài ra không còn nợ ai khác. Ly hôn, giữa anh, chị T và ông N đã thỏa thuận việc trả nợ, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên anh thống nhất.

Bị đơn chị Đỗ Thị Tố T trình bày: Chị thống nhất việc kết hôn như anh H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H đi làm xa nên thường đi chơi, khi về nhà đánh đập chị. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như anh H trình bày. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng/hai con vì anh H làm nghề thầu cơ khí có thu nhập cao.

Về tài sản chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Vợ chồng có nợ bà Nguyễn Thị T 7.000.000 đồng, ông Đỗ Thủy M 15.000.000 đồng, bà Đỗ Thị Hồng H 02 chỉ vàng, ông Nguyễn Khoa N 20.000.000 đồng và tiền lãi. Ly hôn thì chị và anh H cùng có trách nhiệm trả các khoản nợ này.

Tòa án không tiến hành hòa giải được vì vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Đỗ Thị Tố T đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Trần Văn H và bị đơn chị Đỗ Thị Tố T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thì đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; hai người đã sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Trần Ngọc M, sinh ngày 26/8/2004 và Trần Thảo N, sinh ngày 19/9/2012, hiện nay con đang do bị đơn nuôi dưỡng. Ly hôn, cháu M và cháu N đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất giao hai con cho bị đơn nuôi dưỡng là đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử giao hai con chung cho bị đơn Đỗ Thị Tố T trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu của bị đơn về cấp dưỡng, bị đơn yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn không chấp nhận vì cho rằng công việc và thu nhập của nguyên đơn không ổn định, chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy bị đơn cho rằng mức thu nhập của nguyên đơn cao nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không thể xem xét; nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng như trên là đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với phần nghĩa vụ trả nợ: Bị đơn khai vợ chồng có nợ của các ông, bà Nguyễn Thị T, Đỗ Thủy M, Đỗ Thị Hồng H, Nguyễn Khoa N. Tuy nhiên, phần nợ của bà T đã trả nên không xem xét; ông N, ông M, bà H có lời trình bày không khởi kiện yêu cầu ông H, bà T trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Trần Văn H được ly hôn với chị Đỗ Thị Tố T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Trần Ngọc M, sinh ngày 26/8/2004 và Trần Thảo N, sinh ngày 19/9/2012 cho bị đơn chị Đỗ Thị Tố T trực tiếp nuôi dưỡng; nguyên đơn anh Trần Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con 1.000.000 đồng/tháng; thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 7/2020 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân gia đình. Nguyên đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0013622, ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa nên còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Khánh Thoa**